

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/02/2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quốc C

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Vĩnh Q.

2. Bà Hoàng Thị Th.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Th - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2021; về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích K; sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Thôn Phước Thanh, xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn D; sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Thôn Phước Thanh, xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 9 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích K trình bày:*

Chị K và anh Hồ Văn D, tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/10/2007. Sau cưới, vợ chồng cùng chung sống tại xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hoà hợp, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ, đánh đập, chửi rủa và xúc phạm chị K, ảnh hưởng đến con cái. Nhiều lần chị K đã chịu đựng bỏ qua nhưng anh D vẫn không hề thay đổi tính cách. Nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau; tình cảm không còn, chị K xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hồ Thị Cẩm L; sinh ngày: 25/01/2008; Hồ Nguyễn Phương V; sinh ngày: 19/7/2011 và Hồ Nguyễn Nhật T; sinh ngày: 01/01/2014. Sau khi ly hôn, chị K xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 con chung; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh D để lấy ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên anh D không đến Tòa án để giải quyết và trình bày ý kiến của mình. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ, tham khảo nguyện vọng của các con chung cũng như ý kiến của cơ quan chuyên môn bảo vệ trẻ em về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích K giữ nguyên ý kiến như đơn khởi kiện ban đầu.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Đ tham gia phiên tòa:*

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích K được ly hôn anh Hồ Văn D.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để giao 03 Hồ Thị Cẩm L; sinh ngày: 25/01/2008; Hồ Nguyễn Phương V; sinh ngày: 19/7/2011 và Hồ Nguyễn Nhật T; sinh ngày: 01/01/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Hồ Văn D có nơi cư trú tại xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hồ Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích K và anh Hồ Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng An, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2007, quyền số 01/2007, ngày 06/10/2007. Do đó, hôn nhân giữa chị K và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ, đánh chửi chị K. Không thể tiếp tục chịu đựng được nữa, hiện nay chị K đã bỏ ra sống riêng. Vợ chồng sống mỗi người một nơi, không quan tâm, chăm sóc, đến nhau. Vì vậy, mâu thuẫn của chị K và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị K được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị K và anh D có 03 con chung là Hồ Thị Cẩm L; sinh ngày: 25/01/2008; Hồ Nguyễn Phương V; sinh ngày: 19/7/2011 và Hồ Nguyễn Nhật T; sinh ngày: 01/01/2014. Hiện nay, các con chung đều sống cùng bố. Nguyên vọng của chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung. Xét thấy, chị K có công việc và thu nhập ổn định; các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ; anh D thường có hành vi bạo lực ảnh hưởng đến con cái và không đến Tòa trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn về bảo vệ và chăm sóc trẻ em, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của các cháu, cần giao cả 03 con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với

nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không ai đặt ra yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích K được ly hôn với anh Hồ Văn D.

2. Về nuôi con chung: Buộc anh Hồ Văn D giao con 03 chung là Hồ Thị Cẩm L; sinh ngày: 25/01/2008; Hồ Nguyễn Phương V; sinh ngày: 19/7/2011 và Hồ Nguyễn Nhật T; sinh ngày: 01/01/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi tròn 18 tuổi.

Anh D không cấp dưỡng nuôi con chung; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chị Trần Thị Bích K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2016/0000362 ngày 01/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Đ, chị K đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Đ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Quốc C**